

Bản án số: 216/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 25 – 9 – 2024  
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Trúc Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Trung Đông

Ông Nguyễn Đông Hồ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Ngô Minh H**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp I, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.**

Anh **Ngô Minh H** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 28/8/2024.

**- Bị đơn:** Chị **Trịnh Bé T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: **Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2024 và các lời khai tại Tòa án anh **Ngô Minh H** (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị **T** có đăng ký kết hôn ngày 09/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã **K, huyện U, tỉnh Cà Mau**. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi, không có tiếng nói chung trong gia đình, không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ năm 2022. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị **T**.

*Về con chung:* Anh và chị **T** có con chung là cháu **Ngô Mộng H1**, sinh ngày 02/8/2014, hiện đang sống với chị **T**. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu giao con chung cho chị **T** tiếp tục nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ thu, nợ trả chung:* Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ thu và nợ trả chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với chị **Trịnh Bé T**, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của anh **H** nhưng chị **T** không có ý kiến. Tòa án thông báo đề chị **T** tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị **T** vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh **H** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Phía chị **T** đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị **T** vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **H** và chị **T** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa anh **H** và chị **T** là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị **Trịnh Bé T** có địa chỉ cư trú tại **ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau**. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về hôn nhân:* Anh **H** và chị **T** chung sống có đăng ký kết hôn ngày 09/6/2014 tại **Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** theo giấy chứng nhận kết hôn 96/2014 ngày 09/6/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh **H** yêu cầu được ly hôn với chị **T**, với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử chị **T** không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của anh **H**, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng

cho chị T. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, đã sống ly thân trong thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, cho anh H được ly hôn với chị T là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: anh H và chị T có con chung là cháu Ngô Mộng H1, sinh ngày 02/8/2014, hiện cháu đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu giao cháu Ngô Mộng H1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy tại biên bản làm việc của Toà án, cháu Ngô Mộng H1 có nguyện vọng tiếp tục sống với chị T. Chị T đều có đầy đủ điều kiện nuôi dạy, đang nuôi dưỡng cháu H1 đã ổn định, chị T cũng không có ý kiến đối với yêu cầu về việc giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng của anh H nên yêu cầu của anh H là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, giao cháu Ngô Mộng H1 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

*Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh H có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con. Phía chị T cũng không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: Anh H xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Phía chị T không có yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] *Về nợ thu, nợ trả chung*: Anh H xác định không có nợ thu, nợ trả chung nên không yêu cầu giải quyết. Phía chị T không có yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, anh H và chị T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Ngô Minh H.**

1. *Về hôn nhân:* Anh **Ngô Minh H** được ly hôn với chị **Trịnh Bé T.**

2. *Về con chung:* Giao cháu **Ngô Mộng H1**, sinh ngày 02/8/2014 cho chị **Trịnh Bé T** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Ngô Minh H** không cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh **Ngô Minh H** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh **Ngô Minh H** phải chịu án phí là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013522, ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, anh **H** đã nộp đủ án phí.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, anh **Ngô Minh H** và chị **Trịnh Bé T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA.TAND tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã Khánh Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Trúc Hằng**

